

Bản án số: 205/2023/DS-PT

Ngày: 27/02/2023

V/v yêu cầu tuyên bố giao dịch dân
sự vô hiệu, giải quyết hậu quả pháp
lý của giao dịch dân sự vô hiệu và
yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh

Bà Đỗ Thị Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Khương, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
520/2022/DSPT ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc: “Yêu cầu tuyên bố giao
dịch dân sự vô hiệu, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu và
yêu cầu bồi thường thiệt hại”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 236/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Toà
án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 150/2023/QĐ-PT
ngày 30/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 28 HP II, phường TP, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Y V, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: số 42 Đường số M, phường TP, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT.**

Địa chỉ: L17-11 Tầng 17 Tòa nhà V, 72 LTT, phường BN, Quận M,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị L – Giám đốc.

Địa chỉ: Phòng 811 Chung cư 47-57 NTB, Phường NTB, Quận M, Thành
phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thư T. (Có mặt)

Địa chỉ: 147/1F LDC, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Thị Như Q – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Tấn T có bà Trần Thị Y V đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 04/11/2010, ông Nguyễn Tấn T (bên thuê) có ký hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT (bên cho thuê), liên quan đến căn hộ số AA2A, tại khu nghỉ dưỡng FAL tại thị xã L, tỉnh BT. Tổng giá trị thuê là: 1.412.412.750 đồng, thanh toán trong 04 đợt theo thỏa thuận hợp đồng khi bên cho thuê xây dựng và thông báo theo tiến độ. Việc xây dựng phải được hoàn thành trong thời hạn 01 tháng, ngày hoàn thành là ngày bên cho thuê bàn giao căn hộ cho bên thuê; bên cho thuê xuất hóa đơn 01 lần cho bên thuê khi bàn giao căn hộ. Bên cho thuê đã được Ủy ban nhân dân tỉnh BT phê duyệt dự án số 1313/UBND-ĐTQH ngày 11/4/2006, giấy phép xây dựng số 108GPXD-XD PT ngày 13/5/2009 cho phép bên cho thuê đầu tư xây dựng, điều hành khu nghỉ dưỡng cũng như kinh doanh dưới hình thức cho thuê. Bên cho thuê cam kết sẽ bàn giao căn hộ cho bên thuê theo đúng mô tả tại hợp đồng sau 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, bên thuê đã thanh toán cho bên cho thuê 03 đợt:

Đợt 1 ngày 04/11/2010 sau khi ký hợp đồng nộp số tiền là 211.862.000 đồng.

Đợt 2 ngày 13/4/2011 nộp số tiền là 353.104.000 đồng.

Đợt 3 ngày 10/10/2011 nộp số tiền là 353.104.000 đồng.

Sau đó thì ông T không được bên cho thuê thông báo nộp tiền và cũng không liên lạc được. Đến tháng 10/2012, ông T nhận được thông báo của bên cho thuê là tạm thời ngừng xây dựng dự án vì đang khó khăn tài chính. Đến tháng 12/2012, ông T tiếp tục nhận được thông báo của bên cho thuê giải thích về việc nội bộ gặp khó khăn do thay đổi đại diện pháp luật, trong thư thông báo có cam kết về việc thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp không bàn giao căn hộ thuê kịp thời vào 2013 sẽ đền bù cho ông T theo như thỏa thuận hợp đồng.

Đến tháng 9/2014, bên cho thuê lại tiếp tục gửi thông báo hoãn khởi công và đưa ra nhiều lý do và hứa bàn giao căn hộ thuê vào năm 2015. Tuy nhiên, bên cho thuê vẫn không thực hiện bàn giao căn hộ cho thuê và cũng không liên lạc được.

Đến năm 2016 bên cho thuê không gửi thêm một bản thông báo cụ thể nào.

Theo quy định tại Điều 9.4 của hợp đồng: Nếu việc xây dựng căn hộ cho bên thuê không được hoàn tất vào ngày hoàn thành do lỗi của bên cho thuê thì bên thuê có thể chấm dứt hợp đồng và bên cho thuê phải bồi thường cho bên thuê toàn bộ số tiền mà bên thuê ứng trước cộng tiền lãi phát sinh.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã nhận và tính lãi suất theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: yêu cầu xác định hợp đồng vô hiệu và giải quyết bồi thường hậu quả hợp đồng tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm.

Liên quan đến số tiền đã nộp và tiền bồi thường thiệt hại tính từ đầu quý 4/2013 theo như cam kết cuối cùng đại diện bị đơn gửi cho nguyên đơn là cuối quý 3/2013. Áp dụng tính tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng từ ngày 01/10/2013 đến ngày 01/8/2022 là 8 năm 9 tháng.

Tổng số tiền nguyên đơn đã ứng trước là: $918.070.000 \times 9\%/năm \times 8 \text{ năm } 9 \text{ tháng} = 661.010.400 \text{ đồng} + 61.969.725 \text{ đồng} = 722.980.125 \text{ đồng}$.

Tổng tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng tính từ ngày 01/10/2013 đến 31/7/2022 là 722.980.125 đồng. Do xác định hợp đồng vô hiệu, mỗi bên đều có lỗi nên tiền thiệt hại hợp đồng được chia cho bên nguyên đơn và bị đơn, mỗi bên 50%, số tiền là 361.490.062 đồng.

Số tiền bị đơn có trách nhiệm phải trả lại cho nguyên đơn là số tiền nguyên đơn đã nộp + số tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng là $918.070.000 \text{ đồng} + 361.490.062 \text{ đồng} = 1.279.560.062 \text{ đồng}$.

Bị đơn – Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 236/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố Hợp đồng thuê dài hạn biệt thự AA2A ngày 17/9/2010 giữa ông Nguyễn Tấn T và Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT vô hiệu.

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn T số tiền 1.285.183.241 (Một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu một trăm tám mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi một đồng), trong đó: Tiền gốc đã thanh toán là 918.070.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại là 367.113.241 đồng.

Thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định

của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05/10/2022, bị đơn – Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu y án sơ thẩm.

Bị đơn - Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ý kiến: cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án không tổng đạt đúng địa chỉ của bị đơn, việc niêm yết không đúng theo quy định của pháp luật, vi phạm thủ tục tố tụng, đề nghị hủy án, việc cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn là không khách quan, không xem xét đến quyền lợi của bị đơn, phía nguyên đơn trình bày tại Điều 9.4 của hợp đồng: “Nếu việc xây dựng căn hộ cho bên thuê không được hoàn tất vào ngày hoàn thành do lỗi của bên cho thuê thì bên thuê có thể chấm dứt hợp đồng và bên cho thuê phải bồi thường cho bên thuê toàn bộ số tiền mà bên thuê ứng trước cộng tiền lãi phát sinh” là không đúng, theo quy định trong hợp đồng thì chỉ trả lại tiền đã nhận, không có lãi phát sinh. Việc hợp đồng bị vô hiệu, nói về thiệt hại thì cả hai bên đều có thiệt hại, nhưng không tính được thiệt hại thực tế, do đó nếu không hủy án thì đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ chấp nhận trả lại số tiền gốc mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn theo hợp đồng, không đồng ý đối với số tiền bồi thường thiệt hại mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 918.070.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền bồi thường thiệt hại, vì cả hai bên khi ký kết hợp đồng đã vi phạm điều cấm pháp luật làm cho hợp đồng vô hiệu, lỗi của hai bên là ngang nhau, không bên nào bồi thường cho bên nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi

nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn - Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Tấn T và bị đơn – Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT (gọi tắt là Công ty VT) có xác lập hợp đồng thuê dài hạn căn hộ số AA2A ngày 04/11/2010 tại Khu du lịch sinh thái biển BT tại xã TB, thị xã L, tỉnh BT. Thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Công ty VT 03 đợt:

Đợt 1 ngày 04/11/2010 sau khi ký hợp đồng nộp số tiền là 211.862.000 đồng.

Đợt 2 ngày 13/4/2011 nộp số tiền là 353.104.000 đồng.

Đợt 3 ngày 10/10/2011 nộp số tiền là 353.104.000 đồng.

Tổng cộng là 918.070.000 đồng (có thư xác nhận kiểm toán từ phía Công ty).

Tại mục 2 của hợp đồng ngày 04/11/2010 giữa nguyên đơn và bị đơn quy định: “... (a) Ngay sau khi ký hợp đồng này, bên thuê sẽ thanh toán đợt 1 với số tiền là 211.861.912.50 VNĐ, tương đương 15% giá thuê căn hộ. (b) Thanh toán đợt 2 với số tiền là 353.103.187.50 VNĐ tương đương 25% giá thuê căn hộ ngay sau khi xây xong phần móng căn hộ cho thuê. (c) Thanh toán đợt 3 với số tiền là 353.103.187.50 VNĐ tương đương 25% giá thuê căn hộ sau khi hoàn tất ...”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Nhà ở 2005: “... Trường hợp chủ đầu tư huy động vốn từ tiền ứng trước của người có nhu cầu mua hoặc thuê nhà ở thì chỉ được áp dụng trong trường hợp thiết kế nhà ở đã được phê duyệt và đã được xây dựng xong phần móng ...”

Đồng thời điểm đ khoản 3 Điều 9 Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở: “Đối với trường hợp huy động vốn theo hình thức quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thì chủ đầu tư chỉ được ký hợp đồng mua bán nhà ở sau khi đã có thiết kế kỹ thuật nhà ở được phê duyệt, đã xây dựng xong phần móng của nhà ở, đã hoàn thành thủ tục mua bán qua sàn giao dịch bất động sản theo đúng quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và đã thông báo cho Sở Xây dựng nơi có dự án phát triển nhà ở theo quy định tại điểm e khoản này.

Việc xây dựng xong phần móng của nhà ở (kể cả công trình nhà ở có mục đích sử dụng hỗn hợp) quy định tại điểm này được xác định là giai đoạn đã thi công xong phần đài giằng móng (bao gồm cả phần xử lý nền nếu có) hoặc tới

độ cao mặt bằng sàn của tầng thấp nhất của công trình nhà ở đó và được nghiệm thu kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng; ...”

Như vậy, tại thời điểm các bên ký hợp đồng thuê trên, Công ty VT chưa thực hiện xây dựng xong phần móng của căn hộ cho thuê, chưa đủ điều kiện cho thuê tài sản hình thành trong tương lai theo quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thuê ngày 04/11/2010 vi phạm điều cấm của pháp luật nên vô hiệu theo quy định tại Điều 127, Điều 128 Bộ luật Dân sự 2005.

Theo quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do hợp đồng thuê ngày 04/11/2010 bị vô hiệu và nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn số tiền 918.070.000 đồng, nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 918.070.000 đồng.

Về vấn đề bồi thường thiệt hại, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng thuê ngày 04/11/2010 vô hiệu và lỗi thuộc về hai bên là có căn cứ, tuy nhiên lại xác định thời điểm phát sinh thiệt hại là thời điểm bị đơn không thực hiện đúng việc bàn giao căn hộ, từ đó tính thiệt hại theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trên số tiền mà nguyên đơn đã thanh toán là không đúng, việc nguyên đơn xác định thiệt hại bằng cách tính theo tiền gửi lãi suất ngân hàng và Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận là không có căn cứ pháp luật. Trong trường hợp này phải chứng minh được thiệt hại thực tế có hay không, căn cứ pháp luật để xác định thiệt hại, bởi các bên không chứng minh được thiệt hại thực tế, không có căn cứ để tính mức thiệt hại, hơn nữa đây là trường hợp hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, nên nếu có thiệt hại thì các bên phải tự gánh chịu. Do đó cần sửa án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại, cụ thể chỉ buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 918.070.000 đồng mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn theo hợp đồng thuê ngày 04/11/2010, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền bồi thường thiệt hại 361.490.062 đồng.

Bị đơn cũng như ý kiến của Luật sư phía bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm tổng đạt không đúng địa chỉ của bị đơn là không cơ sở, tại phiên toà phúc thẩm, phía bị đơn cũng thừa nhận khi chuyển công ty từ huyện NB đi nơi khác chưa thông báo cho Tòa án địa chỉ mới, nên việc Tòa án tiến hành niêm yết, tổng đạt ở địa chỉ cũ là có căn cứ, không vi phạm tố tụng, yêu cầu huỷ án là không được chấp nhận. Về nội dung, chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc sửa án, bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của nguyên đơn.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn – Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT phải chịu trên số tiền 918.070.000 đồng hoàn trả cho nguyên đơn là 39.542.100 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bồi thường thiệt hại 361.490.062 đồng không được chấp nhận là 18.074.503 đồng (Mười tám triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm lẻ ba đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 27.000.840 (Hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0034327 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Tấn T được nhận lại 8.926.337 đồng (Tám triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự phúc thẩm bị đơn – Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT không phải chịu. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bị đơn – Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT đã nộp theo Biên lai thu số 0038073 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn – Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 236/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố Hợp đồng thuê dài hạn biệt thự AA2A ngày 04/11/2010 giữa ông Nguyễn Tấn T và Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT vô hiệu.

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn T số tiền 918.070.000 đồng (Chín trăm mười tám triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại số tiền 361.490.062 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn không trăm sáu mươi hai đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn – Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT phải chịu là 39.542.100 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn một trăm đồng).

Nguyên đơn – ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.074.503 đồng (Mười tám triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm lẻ ba đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 27.000.840 (Hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0034327 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Tấn T được nhận lại 8.926.337 đồng (Tám triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bị đơn – Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch VT đã nộp theo Biên lai thu số 0038073 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện NB;
- Các đương sự;
- Lưu/25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Đình Đức